

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/9/2021

V/v “Ly hôn giữa bà M và ông

V”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp H, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp H, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Bà và ông V sống chung vào năm 1993 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT vào ngày 10/01/1998 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông V không chăm lo cho gia đình, một mình bà phải lo tất cả. Ông V còn đánh chửi bà trước mặt bạn bè và về nhà bà làm những việc khiến bà xấu hổ. Bà và ông V đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay tình cảm giữa bà M và ông V không còn nên bà M xin ly hôn với ông V.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thành L sinh ngày 18/01/1996 và Lê Thị Ngọc T sinh ngày 02/10/2002 – con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông V có tài sản chung là căn nhà và phần đất tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn bà sẽ để lại cho ông V và 02

con. Tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết để bà và ông V tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn V trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn ông và bà M chung sống hạnh phúc. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn bà M trình bày là không chính xác, ông có cùng bà M chăm lo cho gia đình, không bỏ mặc vợ con như bà M trình bày. Ông nhận lỗi về việc ông có đánh bà M nhưng do bà M nói những lời không hay trước mặt bạn bè nên ông có đâm bà M 02 cái vào lưng để bà M ý thức lại. Ông thừa nhận khi về nhà bà M, ông có làm những việc khiến bà M xấu hổ. Ông và bà M đã ly thân khoảng 02 đến 03 năm nay. Nay ông không còn tình cảm với bà M. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà M, sau khi giải quyết xong vấn đề tài sản ông mới đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thành L sinh ngày 18/01/1996 và Lê Thị Ngọc T sinh ngày 02/10/2002 – con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống, ông và bà M có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Phần đất có diện tích 2.634m² tọa lạc tại xã NT, thành phố BT do bà M đứng tên.

- Phần đất có diện tích 650m² tọa lạc tại xã NT, thành phố BT mua của cha mẹ vợ, chưa sang tên nhưng đã trả tiền rồi (1,2 cây vàng 24K), không có làm giấy tờ.

- Phần đất có diện tích 1.350m² tọa lạc tại xã NT, thành phố BT mua của cha mẹ vợ (trong đó có 500m² cha mẹ vợ cho), hiện bà M đứng tên.

- Căn nhà trên phần đất của cha mẹ ông cho, ông đứng tên chủ sử dụng đất.

Trước đây ông có yêu cầu chia tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa ông xác định ông không yêu cầu chia tài sản chung để ông và bà M thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Văn V. Hiện nay, ông V đang cư trú tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà M và ông V tự nguyện sống chung vào năm 1993, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10 tháng 01 năm 1998 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy bà M và ông V trình bày không thống nhất nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông bà thực tế có xảy ra. Ông V không đồng ý ly hôn với bà M vì cho rằng nguyên nhân bà M xin ly hôn là không chính đáng và ông bà chưa giải quyết xong vấn đề tài sản. Tuy nhiên ông V cũng không có biện pháp

nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và xác định hiện tại không còn tình cảm với bà M. Ông V thừa nhận có hành vi đánh bà M cũng như làm bà M phải xấu hổ. Như vậy ông V đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ uy tín cho nhau được quy định tại các điều 19, 21 Luật Hôn nhân gia đình. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: bà M và ông V có 02 con chung tên Lê Thành L sinh ngày 18/01/1996 và Lê Thị Ngọc T sinh ngày 02/10/2002 – con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà M và ông V yêu cầu tài sản chung tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: bà M và ông V cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà M phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, 21, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Lê Văn V.
2. Về con chung: bà M và ông V có 02 con chung tên Lê Thành L sinh ngày 18/01/1996 và Lê Thị Ngọc T sinh ngày 02/10/2002 – con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: ông V và bà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.
4. Về nợ chung: bà M và ông V cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết
5. Về án phí: Bà Mai phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000070 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương